



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0267/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2008 của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2009, từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0090/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		761.146.662.693	384.472.735.528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	73.871.015.613	77.278.951.932
1. Tiền	111		73.871.015.613	77.278.951.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.159.978.655	115.886.943.259
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	112.574.960.578	58.459.592.680
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	196.515.602.892	57.207.982.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.259.023.487	502.851.888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(189.608.302)	(283.483.709)
IV. Hàng tồn kho	140		370.164.405.791	178.221.600.770
1. Hàng tồn kho	141	V.6	372.698.284.535	178.221.600.770
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.533.878.744)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.951.262.634	13.085.239.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.639.654.862	7.058.753.687
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		69.253.716	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.234.354.056	6.026.485.880

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.378.949.821	60.918.287.953
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.045.613.016	28.187.671.977
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	48.814.472.548	25.963.604.182
<i>Nguyên giá</i>	222		62.357.572.048	32.870.585.796
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.543.099.500)	(6.906.981.614)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.063.208.987	313.119.553
<i>Nguyên giá</i>	228		9.250.412.886	342.857.143
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(187.203.899)	(29.737.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.167.931.481	1.910.948.242
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.754.109.000	9.576.550.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	6.635.910.000	1.556.550.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.118.199.000	8.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.579.227.805	23.154.065.976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.345.339.197	22.982.366.457
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	6.126.032.608	63.843.519
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	107.856.000	107.856.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		860.525.612.514	445.391.023.481

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		713.680.231.933	357.539.788.563
I. Nợ ngắn hạn	310		712.108.197.454	355.460.622.454
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	40.231.388.785	20.259.062.315
2. Phải trả người bán	312	V.18	39.412.326.214	53.158.699.357
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	587.167.201.909	228.720.719.560
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	10.571.865.087	2.815.901.538
5. Phải trả người lao động	315	V.21	1.380.611.122	740.363.561
6. Chi phí phải trả	316	V.22	11.419.021.055	927.476.214
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	11.434.362.557	46.353.296.347
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	10.491.420.725	2.485.103.562
II. Nợ dài hạn	330		1.572.034.479	2.079.166.109
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	1.070.000.000	1.764.700.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	262.435.804
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		502.034.479	52.030.305
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.845.380.581	87.851.234.918
I. Vốn chủ sở hữu	410		142.097.012.918	85.748.061.900
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	100.000.000.000	66.361.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	2.122.223.840	2.122.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	12.070.121.520	6.290.866.717
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.407.200.771	2.697.494.378
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	22.497.466.787	8.276.276.965
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.748.367.663	2.103.173.018
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	4.748.367.663	2.103.173.018
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		860.525.612.514	445.391.023.481

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	2.140.000.000	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	10.000.000	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Nhã Phương
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**Năm 2008**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	524.110.713.022	336.266.806.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.305.727.273	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	521.804.985.749	336.266.806.073
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	427.883.369.348	285.623.099.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.921.616.401	50.643.706.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.007.604.826	4.864.582.300
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.097.235.752	1.420.524.319
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.095.913.752	1.420.113.319
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	47.197.841.733	8.295.773.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.411.266.718	4.501.981.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.222.877.024	41.290.009.378
11. Thu nhập khác	31	VI.7	28.878.991.492	2.258.914.591
12. Chi phí khác	32	VI.8	374.716.971	24.300.146
13. Lợi nhuận khác	40		28.504.274.521	2.234.614.445
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.727.151.545	43.524.623.823
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	27.191.754.651	11.658.314.752
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(6.324.624.893)	533.008.462
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.860.021.787</u>	<u>31.333.300.609</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>7.643</u>	<u>6.242</u>

Nguyễn Thị Nhã Phương
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước.
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh).
 - Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản.
 - Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản.
 - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
 - Gia công chế biến đá xây dựng.
 - Sản xuất vật liệu xây dựng.
 - Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc.
 - Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử.
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất.
 - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5,00
Máy móc và thiết bị	20,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16,67
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20,00
Tài sản cố định khác	25,00

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2007: 16.114 VND/USD
31/12/2008: 16.977 VND/USD.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Công ty chỉ ghi nhận doanh thu của hoạt động xây dựng khi hoàn thành bàn giao cho khách hàng.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	29.955.792	1.723.960.602
Tiền gửi ngân hàng	73.841.059.821	75.554.991.330
Cộng	73.871.015.613	77.278.951.932

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu kinh doanh hàng hoá	65.151.767.310	40.654.530.079
Phải thu kinh doanh bất động sản	47.423.193.268	17.805.062.601
Cộng	112.574.960.578	58.459.592.680

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	39.573.301.354	18.098.680.001
Trả trước tiền cung cấp dịch vụ	156.942.301.538	39.109.302.399
Cộng	196.515.602.892	57.207.982.400

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bồi thường công trình khu liên hợp	-	28.307.601
Phải thu Tân Thạnh Mỹ	339.392.885	137.870.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	311.670.968	260.266.667
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	71.859.534	15.861.837
Các khoản phải thu khác	536.100.100	60.545.783
Cộng	1.259.023.487	502.851.888

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	116.406.674	39.897.263
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	51.660.149	145.921.593
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	21.541.479	97.664.853
Cộng	189.608.302	283.483.709

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.872.568.618	4.283.819.417
Công cụ, dụng cụ	9.428.565	76.570.300
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	344.144.546.231	147.765.113.055
Thành phẩm	1.273.802.489	678.030.350
Hàng hóa	22.397.938.632	25.418.067.648
Cộng	372.698.284.535	178.221.600.770

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho nguyên liệu, vật liệu.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.062.836.453	6.018.485.480
Tài sản thiếu chờ xử lý	171.517.603	8.000.400
Cộng	2.234.354.056	6.026.485.880

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.240.739.872	5.738.360.382	21.596.956.405	1.211.268.052	83.261.085	32.870.585.796
Tăng trong năm	2.115.010.072	411.904.762	27.005.193.706	62.433.455	-	29.594.541.995
Mua sắm mới	-	411.904.762	27.005.193.706	62.433.455	-	27.479.531.923
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.115.010.072	-	-	-	-	2.115.010.072
Điều chỉnh phân loại	-	-	-	(107.555.743)	-	(107.555.743)
Số cuối năm	6.355.749.944	6.150.265.144	48.602.150.111	1.166.145.764	83.261.085	62.357.572.048
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.086.000	99.285.029	528.360.333	75.432.387	-	718.163.749
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	761.636.176	1.399.722.991	4.377.340.721	347.298.610	20.983.116	6.906.981.614
Khấu hao trong năm	418.616.765	684.823.318	5.211.491.369	300.371.174	20.815.260	6.636.117.886
Số cuối năm	1.180.252.941	2.084.546.309	9.588.832.090	647.669.784	41.798.376	13.543.099.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.479.103.696	4.338.637.391	17.219.615.684	863.969.442	62.277.969	25.963.604.182
Số cuối năm	5.175.497.003	4.065.718.835	39.013.318.021	518.475.980	41.462.709	48.814.472.548

Trong đó:

Tạm thời chưa sử

dụng

Đang chờ thanh lý

-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 46.734.094.853 VND và 35.653.144.238 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	342.857.143	-	342.857.143
Tăng trong năm	8.800.000.000	107.555.743	8.907.555.743
Mua trong năm (*)	8.800.000.000	-	8.800.000.000
Điều chỉnh phân loại	-	107.555.743	107.555.743
Số cuối năm	9.142.857.143	107.555.743	9.250.412.886
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	29.737.590	-	29.737.590
Khấu hao trong năm	109.663.749	47.802.560	157.466.309
Số cuối năm	139.401.339	47.802.560	187.203.899
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	313.119.553	-	313.119.553
Số cuối năm	9.003.455.804	59.753.183	9.063.208.987
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Người đứng tên pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Bùi Thị Lan – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo ủy quyền tại Biên bản họp Hội đồng quản trị.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	73.801.757	35.016.874.254	(27.526.278.308)	(6.433.817.475)	1.130.580.228
XDCB dở dang	1.837.146.485	4.656.637.017	(2.068.263.687)	(388.168.562)	4.037.351.253
Cộng	1.910.948.242	39.673.511.271	(29.594.541.995)	(6.821.986.037)	5.167.931.481

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty đã cùng với đối tác phía Singapore (Công ty GTL International) thành lập Công ty liên doanh TNHH Sinviet. Công ty liên doanh được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp với số vốn pháp định là USD 200.000,00 và đã được điều chỉnh tăng lên USD 280.000,00 trong năm 2008, trong đó Công ty góp 50% tương đương với 2.235.910.000 VND.

Góp vốn vào công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên – Becamex theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang, Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp và Công ty Cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Theo hợp đồng này thì Công ty phải góp 20% vốn điều lệ tương đương với 4.400.000.000 VND.

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty đầu tư và kinh doanh bất động sản với tư cách là cổ đông sáng lập	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Bình Dương	1.020.000.000	1.020.000.000
Đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	5.908.199.000	-
Đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông Becamex	8.190.000.000	-
Cộng	22.118.199.000	8.020.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	532.802.139	772.485.597	(707.785.813)	-	597.501.923
Chi phí sửa chữa	160.268.899	157.432.920	(130.803.055)	-	186.898.764
Chi phí thuê văn phòng	72.400.000	761.368.562	(346.516.544)	-	487.252.018
Chi phí hoa hồng môi giới	21.914.136.363	7.150.601.818	(29.064.738.181)	-	-
Thuê quyền sử dụng đất	144.000.000	-	-	(144.000.000)	-
Chi phí khác	158.759.056	14.000.000	(99.072.564)	-	73.686.492
Cộng	22.982.366.457	8.855.888.897	(30.348.916.157)	(144.000.000)	1.345.339.197

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	63.843.520
Phát sinh trong năm	6.126.032.608
Hoàn nhập trong năm	(63.843.520)
Số cuối năm	6.126.032.608

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	20.259.062.315
Số tiền vay phát sinh trong năm	111.240.362.218
Số tiền vay đã trả trong năm	(91.268.035.748)
Số cuối năm	40.231.388.785

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	38.630.159.091	52.712.634.900
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	782.167.123	446.064.457
Cộng	39.412.326.214	53.158.699.357

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	790.044.337	1.088.440.390
Các khoản người mua trả tiền trước khác	586.377.157.572	227.632.279.170
Cộng	587.167.201.909	228.720.719.560

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.436.187.469	(2.436.187.469)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.791.971	27.191.754.651	(19.433.928.663)	10.552.617.959
Thuế thu nhập cá nhân	21.109.567	170.161.612	(172.024.051)	19.247.128
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	683.933.000	(683.933.000)	-
Cộng	2.815.901.538	30.491.036.732	(22.735.073.183)	10.571.865.087

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Ciment, hoạt động xây lắp và hoá chất các loại	10%
Vật liệu xây dựng khác	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.727.151.545	43.524.623.823
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	27.170.728.490	828.545.497
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.784.470.570)	(2.716.330.921)
Tổng thu nhập chịu thuế	97.113.409.465	41.636.838.399
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.191.754.651	11.658.314.752

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 chưa chi.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí công trình	11.392.504.653	899.702.424
Chi phí khác	26.516.402	27.773.790
Cộng	11.419.021.055	927.476.214

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	38.640.000
Bảo hiểm xã hội	4.474.184	4.300.000
Bảo hiểm y tế	-	-
Kinh phí công đoàn	274.440.007	196.246.827
Cổ tức phải trả	115.397.850	15.280.315.971
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	5.468.714.973	3.779.388.000
Thu hộ tiền mua nhà	-	26.259.100.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	381.064.200	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.190.271.343	795.305.549
Cộng	11.434.362.557	46.353.296.347

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.485.103.562
Tăng do trích lập trong năm	10.675.059.152
Số đã sử dụng trong năm	(4.695.185)
Số đã hoàn nhập trong năm	(2.664.046.804)
Số cuối năm	10.491.420.725

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Vay và nợ dài hạn

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương để mua xe tải cầu vồng lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND loại kỳ hạn 12 tháng cộng phí 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay như sau:

Số đầu năm	1.764.700.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(694.700.000)
Số cuối năm	1.070.000.000

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	60.700.500.000	40.467.000.000
Vốn góp của các cổ đông	39.299.500.000	25.894.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.122.223.840	2.122.223.840
Cộng	102.122.223.840	68.483.423.840

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	22.920.473.954
Tạm ứng cổ tức năm nay	16.474.902.150
Cộng	39.395.376.104

Trong đó:

Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối đã chi	24.115.060.133
Cổ tức từ khoản phải trả phải nộp khác đã chi	15.280.315.971

Sau ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị dự kiến công bố cổ tức trên cổ phiếu phổ thông năm 2008 là 25-30% trên vốn góp và thời điểm góp vốn.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	6.636.120
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	6.636.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	6.636.120
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	6.636.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.903.642.520	4.335.530.229	33.388.859	(2.533.235.600)	3.739.326.008
Quỹ phúc lợi	199.530.498	1.083.882.557	65.000.000	(339.371.400)	1.009.041.655
Cộng	2.103.173.018	5.419.412.786	98.388.859	(2.872.607.000)	4.748.367.663

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	524.110.713.022	336.266.806.073
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	237.561.097.025	164.015.307.573
- Doanh thu nhựa đường	33.148.628.739	69.064.215.768
- Doanh thu xây dựng dự án	196.399.880.920	53.374.839.819
- Doanh thu khác	57.001.106.338	49.812.442.913
Các khoản giảm trừ doanh thu:		-
- Hàng bán bị trả lại	2.305.727.273	-
Doanh thu thuần	521.804.985.749	336.266.806.073
Trong đó:		
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	237.561.097.025	164.015.307.573
- Doanh thu thuần nhựa đường	33.148.628.739	69.064.215.768
- Doanh thu thuần xây dựng dự án	194.094.153.647	53.374.839.819
- Doanh thu thuần khác	57.001.106.338	49.812.442.913

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	123.719.279.950	138.909.263.872
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	138.976.399.053	95.509.917.736
Giá vốn nguyên vật liệu	1.067.305.575	54.020.070
Giá vốn xây dựng dự án	161.586.506.026	51.149.897.715
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.533.878.744	-
Cộng	427.883.369.348	285.623.099.393

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	139.089.879.710	226.752.298.290
Chi nhân công trực tiếp	3.142.348.076	1.461.400.232
Chi phí sản xuất chung	29.102.646.425	27.739.460.179
Tổng chi phí sản xuất	171.334.874.211	255.953.158.701
Nhập xuất khác	(11.631.246.957)	(15.255.020.643)
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.140.277.291)	(122.538.841.300)
Tổng giá thành sản xuất	156.563.349.963	118.159.296.758
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(595.772.139)	64.611.035
Nhập xuất chuyển kho	(16.991.178.771)	(22.713.990.057)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	138.976.399.053	95.509.917.736

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.131.465.267	441.997.267
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.207.052.291	1.172.585.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.556.458.000	1.750.000.000
Doanh thu khác	112.629.268	1.500.000.000
Cộng	13.007.604.826	4.864.582.300

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.095.913.752	1.420.113.319
Lãi mua hàng trả chậm	1.322.000	411.000
Cộng	5.097.235.752	1.420.524.319

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.969.595.454	1.893.628.843
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	213.653.239	246.411.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	870.260.283	566.455.865
Chi phí hoa hồng môi giới	35.859.075.635	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.752.203.104	2.655.727.972
Chi phí khác	5.533.054.018	2.933.549.764
Cộng	47.197.841.733	8.295.773.783

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.682.555.386	1.470.507.362
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	653.281.226	424.515.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	876.674.503	332.610.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	905.433.320	691.438.701
Chi phí khác	3.293.322.283	1.582.908.618
Cộng	9.411.266.718	4.501.981.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.559.102.164	434.944.690
Thành phẩm bê tông thừa	934.576.090	334.339.092
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	23.670.624.930	-
Thu từ xử lý tài sản thừa	1.328.033.680	783.496.113
Thu nhập khác	386.654.628	706.134.696
Cộng	28.878.991.492	2.258.914.591

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý tài sản thiếu	50.327.080	2.901.375
Chi trả tiền đền cọc	320.000.000	-
Chi phí khác	4.389.891	21.398.771
Cộng	374.716.971	24.300.146

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.860.021.787	31.333.300.609
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.860.021.787	31.333.300.609
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.916.443	5.020.111
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.643	6.242

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.636.120	2.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2007	-	677.030
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 5 năm 2007	-	1.934.616
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 6 năm 2007	-	8.465
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 11 năm 2008	280.323	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.916.443	5.020.111

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.625.449.389	229.457.293.763
Chi phí nhân công	159.359.784.594	8.440.510.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.793.584.195	2.933.269.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.854.396.062	21.418.492.823
Chi phí khác	49.201.222.716	6.501.347.216
Cộng	640.834.436.956	268.750.913.984

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	924.725.363	598.772.658
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.858.400	7.384.950
Phụ cấp	410.000.000	25.020.000
Tiền thưởng	243.434.459	178.300.000
Cộng	1.590.018.222	809.477.608

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng hệ thống

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	56.697.038.691	205.970.824.733
Thu hộ tiền bán đất	2.250.285.946	39.890.489.027
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	170.782.356.391	21.052.677.027
Thi công công trình xây dựng	-	10.983.339.732
Các khoản khác	324.573.572	966.251.711
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua nước uống tinh khiết, máy nóng lạnh		65.145.166

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i>		
Thi công công trình xây dựng	-	-
Bán nguyên vật liệu	11.386.539.511	10.656.723.396
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương</i>		
Thi công công trình xây dựng	9.447.349.895	7.055.300.397
Hoa hồng môi giới	-	1.071.200.000
Dịch vụ quảng cáo	-	152.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	38.863.260.686	26.447.067.456
Thi công công trình xây dựng	4.174.693.555	5.041.654.634
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	156.144.728.860	38.536.727.389
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	6.184.053.392	3.594.397.281
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh tổng hợp Bình Dương</i>		
Thi công công trình xây dựng	3.802.799.790	-
Cộng nợ phải thu	<u>209.169.536.283</u>	<u>73.619.846.760</u>
<i>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</i>		
Thu hộ tiền bán đất	5.468.714.973	3.779.388.000
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương</i>		
Thi công công trình xây dựng	-	508.550.105
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Phải trả tiền mua nước uống tinh khiết, máy nóng lạnh	-	21.624.000
Cộng nợ phải trả	<u>5.468.714.973</u>	<u>4.309.562.105</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Các sai sót**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót theo Biên bản kiểm toán nhà nước đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán tổng hợp			
Tài sản ngắn hạn	100	383.535.464.799	384.472.735.528
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	115.626.676.592	115.886.943.259
Các khoản phải thu khác	135	242.585.221	502.851.888
Hàng tồn kho	140	177.544.596.708	178.221.600.770
Hàng tồn kho	141	177.544.596.708	178.221.600.770
Tổng cộng tài sản	270	444.453.752.752	445.391.023.481
Nợ phải trả	300	356.878.794.799	357.539.788.563
Nợ ngắn hạn	310	355.062.064.494	355.460.622.454
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.312.398.888	2.815.901.538
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	2.590.048.252	2.485.103.562
Nợ dài hạn	330	1.816.730.305	2.079.166.109
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	262.435.804
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	87.574.957.953	87.851.234.918
Vốn chủ sở hữu	410	85.471.784.935	85.748.061.900
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	8.000.000.000	8.276.276.965
Tổng cộng nguồn vốn	440	444.453.752.752	445.391.023.481
Báo cáo kết quả hoạt động kinh tổng hợp			
Giá vốn hàng bán	11	(286.300.103.455)	(285.623.099.393)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	49.966.702.618	50.643.706.680
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.604.315.633	4.864.582.300
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	40.352.738.649	41.290.009.378
Thu nhập khác	31	2.153.969.901	2.258.914.591
Lợi nhuận khác	40	2.129.669.755	2.234.614.445
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	42.482.408.404	43.524.623.823
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(11.154.812.102)	(11.658.314.752)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(270.572.658)	(533.008.462)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	31.057.023.644	31.333.300.609
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.187	6.242
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp			
Lợi nhuận trước thuế	01	42.482.408.404	43.524.623.823
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.726.009.073	44.768.224.492
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(84.668.501.833)	(84.928.768.500)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(143.955.941.779)	(144.632.945.841)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	265.781.701.271	265.676.756.581

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	88,45	86,32
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	11,55	13,68
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	82,94	80,28
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	17,06	19,72
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,21	1,25
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,07	1,08
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,22
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	14,13	12,94
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	10,13	9,32
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8,57	9,77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,14	7,04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	37,20	36,54

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Nhã Phương
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: D8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	24.000.031.816	2.122.223.840	-	3.172.712.591	1.144.643.196	-	30.439.611.443
Tăng vốn trong năm trước	42.361.168.184	-	-	-	-	-	42.361.168.184
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	-	31.333.300.609	31.333.300.609
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(15.280.315.971)	(15.280.315.971)
Phân phối các quỹ	-	-	-	3.118.154.126	1.552.851.182	(7.776.707.673)	(3.105.702.365)
Số dư cuối năm trước	66.361.200.000	2.122.223.840	-	6.290.866.717	2.697.494.378	8.276.276.965	85.748.061.900
Số dư đầu năm nay	66.361.200.000	2.122.223.840	-	6.290.866.717	2.697.494.378	8.276.276.965	85.748.061.900
Tăng vốn trong năm nay	33.638.800.000	-	-	-	-	-	33.638.800.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.860.021.787	52.860.021.787
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(24.230.457.983)	(24.230.457.983)
Phân phối các quỹ	-	-	500.000.000	5.779.254.803	2.709.706.393	(14.408.373.982)	(5.419.412.786)
Chỉ quỹ trong năm	-	-	(500.000.000)	-	-	-	(500.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	2.122.223.840	-	12.070.121.520	5.407.200.771	22.497.466.787	142.097.012.918

Nguyễn Thị Nhã Phương
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2009

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc